

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 65/2018/DS-PT

Ngày 17- 4 -2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Đình Triết.

2. Bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cư M'gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Địa chỉ: 02 LH, quận BD, Tp.Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Thanh T - Sinh năm 1974; Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch ĐL - Agribank Chi nhánh B Đắc Lắc. - Có mặt.

(Theo Giấy ủy quyền số: 786 ngày 15/5/2017 của Ngân hàng A - Chi nhánh B Đắc Lắc).

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Đức P- Sinh năm 1976, có mặt.; bà Đỗ Thị H - Sinh năm 1985, vắng mặt.

Đều trú tại : Buôn E, xã X, huyện CM, tỉnh Đắc Lắc.

Đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị H:

Bà Trần Thị Q, sinh năm 1964 - Có mặt.(Theo giấy UQ ngày 15/01/2108)

Địa chỉ: Thôn 10, xã HT, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ông Đỗ Đức P, bà Đỗ Thị H là vợ chồng hợp pháp. Ngày 22/12/2009, bà H ký Hợp đồng tín dụng số 5200LAV- 200905537 với Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phòng giao dịch TL (nay là phòng giao dịch ĐL) vay 700.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 22/12/2010, lãi suất vay trong hạn 14,4%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở và mua vật dụng gia đình. Khi vay vợ chồng bà H thế chấp cho Ngân hàng 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 611308, thửa đất 67a, tờ bản đồ 16, diện tích 7.470m² tại xã X, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 687471, thửa đất 222, tờ bản đồ 14, diện tích 900m² tại xã X, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 450914, thửa đất 201B, tờ bản đồ 12, diện tích 504m² tại xã HT, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 519508, thửa đất 76, tờ bản đồ 12, diện tích 1.940m² tại xã HT, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 268/09 lập ngày 10/12/2009 giữa Phòng giao dịch TL với vợ chồng bà H.

Đến thời hạn trả nợ, Ngân hàng yêu cầu thanh toán khoản nợ vay cũng như tiền lãi suất phát sinh nhưng vợ chồng bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền: 1.890.800.000đ, trong đó tiền gốc 700.000.000đ, tiền lãi trong hạn 827.360.000đ, tiền lãi quá hạn 363.440.000đ (tạm tính đến ngày 29/01/2018).

Về số tài sản ông P, bà H đã thế chấp đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn bà Đỗ Thị H, người đại diện theo ủy quyền của bà H khai:**

Năm 2007, do quen biết với bà Nguyễn Thị S ở xã HT, Tp.B, bà S đề nghị với bà H vay vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh Đắk Lắk, phòng giao dịch ĐL để cho bà S vay lại hưởng chênh lệch về lãi suất. Bà S đã làm giúp hồ sơ cho bà H để vay số tiền 500.000.000đ. Do ông P chồng bà H không đồng ý vay nên bà S đã giả mạo chữ ký của ông P trong hợp đồng vay và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất với Ngân hàng. Năm 2008, đến hạn trả nợ bà S đã làm thủ tục đáo hạn cho bà H.

Tháng 12/2009, bà H đã ký Hợp đồng tín dụng số 5200LAV- 200905537 với Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phòng giao dịch Tân Lợi (nay là phòng giao dịch ĐL) vay 700.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả

cuối cùng vào ngày 22/12/2010, lãi suất vay trong hạn 14,4%/ năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở và mua vật dụng gia đình. Lần vay này ông Đỗ Đức P trực tiếp ký, viết trong hợp đồng thế chấp, để đảm bảo khoản tiền vay với Ngân hàng. Sau khi nhận số tiền 700.000.000đ từ Ngân hàng, bà H đã đưa cho bà S 500.000.000đ, còn bà H chỉ sử dụng khoản tiền vay 200.000.000đ. Do bà S đã chiếm đoạt 500.000.000đ của bà H nên từ khi vay đến nay vợ chồng bà H chưa trả được khoản tiền vay gốc và lãi cho Ngân hàng.

Bà H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và đề nghị được trả dần khoản tiền gốc vay 700.000.000đ, còn tiền lãi do hoàn cảnh khó khăn đề nghị Ngân hàng không tính lãi đối với khoản tiền vay này.

Tại bản án số 02/2018/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 6, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 161 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 317, Điều 319, Điều 325, Điều 463, Điều 464, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a Điều 4; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

1/ Buộc vợ chồng bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Đức P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền 1.890.800.000đ (một tỷ, tám trăm chín mươi triệu, tám trăm ngàn đồng), trong đó tiền gốc 700.000.000đ, tiền lãi trong hạn 827.360.000đ, tiền lãi quá hạn 363.440.000đ (tạm tính đến ngày 29/01/2018).

Ngoài ra, vợ chồng bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Đức P có nghĩa vụ trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 30/01/2018 cho Ngân hàng A với mức lãi suất như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5200LAV- 200905537 lập ngày 22/12/2009 giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Đắk Lắk - phòng Giao dịch TL (nay là phòng giao dịch ĐL) với bà Đỗ Thị H.

2/ Trong trường hợp vợ chồng bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Đức P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng của 04 thửa đất gồm: Quyền sử dụng 900m² đất thuộc thửa đất 222 tờ bản đồ 14 tại xã X, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Quyền sử dụng 7.470m² đất thuộc thửa đất 67a tờ bản đồ 16 tại xã X, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Quyền sử dụng 504m² đất thuộc thửa đất 201B tờ bản

đồ 12 tại xã HT, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk và quyền sử dụng 1.940m² đất thuộc thửa 76 tờ bản đồ 12 tại xã HT, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi công nợ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định chữ lý và quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/02/2018 bà Đỗ Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CM. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Thanh T đại diện cho nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, đại diện ủy quyền của bị đơn bà Đỗ Thị H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận đơn kháng cáo của bà H giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'Gar. Tuy nhiên bản án sơ thẩm khi tuyên xử lý tài sản thế chấp không tuyên rõ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình bà H đã thế chấp cho Ngân hàng là chưa đầy đủ nên đề nghị HĐXX bổ sung cho đầy đủ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà Đỗ Thị H thấy rằng:

Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bà Q đại diện theo ủy quyền của bà H thừa nhận vào tháng 12/2009 bà H có ký hợp đồng tín dụng số 5200LAV- 200905537 với Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Phòng giao dịch TL (nay là phòng giao dịch ĐL) vay 700.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 22/12/2010, lãi suất vay trong hạn 14,4%/ năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở và mua vật dụng gia đình. Bà H là người ký hợp đồng vay và cùng với ông P ký hợp đồng thế chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 611308, thửa đất 67a, tờ bản đồ 16, diện tích

7.470m² tại xã X, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 687471, thửa đất 222, tờ bản đồ 14, diện tích 900m² tại xã X, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 450914, thửa đất 201B, tờ bản đồ 12, diện tích 504m² tại xã HT, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 519508, thửa đất 76, tờ bản đồ 12, diện tích 1.940m² tại xã HT, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo khoản tiền vay với Ngân hàng.

Bà H kháng cáo cho rằng trong số tiền vay 700.000.000đ từ Ngân hàng, bà H đã bị bà S lừa đảo chiếm đoạt 500.000.000đ, còn bà H chỉ sử dụng 200.000.000 đồng nên bà H không đồng ý trả cho ngân hàng 700.000.000 đồng và lãi suất như trong hợp đồng tín dụng. HĐXX xét thấy nội dung bà H bị bà S lừa đảo chiếm đoạt 500.000.000đồng đã được giải quyết bằng bản án hình sự phúc thẩm số 340/2014/HSPT ngày 19/9/2014 của Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao tại Đà Nẵng(Nay là Tòa cấp cao tại Đà Nẵng) đã có hiệu lực pháp luật. Theo đó, bản án đã tuyên buộc bà S phải trả lại cho bà H ông P số tiền bà S đã chiếm đoạt nên cấp phúc thẩm không đề cập xem xét. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P bà H có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ngân hàng 700.000.000đồng tiền gốc và lãi suất là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn xin trả dần số nợ gốc và xin miễn tiền lãi suất nhưng phía nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ để xem xét.

Tuy nhiên phần quyết định của bản án sơ thẩm khi tuyên xử lý tài sản thế chấp không tuyên rõ các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình bà H đã thế chấp cho Ngân hàng là chưa đầy đủ nên cấp phúc thẩm cần bổ sung cho đầy đủ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Từ nhận định trên HĐXX xét thấy không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị H - Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân huyện CM.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về án phí:

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị H – Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số bản án số 02/2018/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Cư M'gar.

Áp dụng khoản 1 Điều 6, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 161 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 317, Điều 319, Điều 325, Điều 463, Điều 464, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a Điều 4; khoản 1 Điều 5; Điều 6; khoản 3 Điều 9; khoản 2 Điều 39 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về việc đăng ký biện pháp bảo đảm.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc vợ chồng bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Đức P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng A số tiền 1.890.800.000đ (một tỷ, tám trăm chín mươi triệu, tám trăm ngàn đồng), trong đó tiền gốc 700.000.000đ, tiền lãi trong hạn 827.360.000đ, tiền lãi quá hạn 363.440.000đ (tạm tính đến ngày 29/01/2018).

Ngoài ra, vợ chồng bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Đức P có nghĩa vụ trả tiền lãi suất phát sinh từ ngày 30/01/2018 đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng A với mức lãi suất như đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5200LAV- 200905537 lập ngày 22/12/2009 giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Đắk Lắk - phòng Giao dịch TL (nay là phòng giao dịch ĐL) với bà Đỗ Thị H.

Trong trường hợp vợ chồng bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Đức P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A, thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng của 04 thửa đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 611308, thửa đất 67a, tờ bản đồ 16, diện tích 7.470m² tại xã X, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 687471, thửa đất 222, tờ bản đồ 14, diện tích 900m² tại xã X, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 450914, thửa đất 201B, tờ bản đồ 12, diện tích 504m² tại xã HT, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 519508, thửa đất 76, tờ bản đồ 12, diện tích 1.940m² tại xã HT, Tp.B, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi công nợ theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng bà Đỗ Thị H, ông Đỗ Đức P phải chịu 68.724.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng A được nhận lại số tiền 30.930.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0039966 ngày 18/10/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001999 ngày 12/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

[3.3] Về chi phí giám định chữ ký:

Ông Đỗ Đức P có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 4.680.000đ, là tiền chi phí giám định tài liệu.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Văn Công Dân

